

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM NỘI DUNG VÀ MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM NGỮ VĂN Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh
Email: nguyenhongnhung@cdsbacninh.edu.vn

Article History

Received: 03/02/2020

Accepted: 15/3/2020

Published: 20/5/2020

Keywords

Philology, experiential activities, model of experiential education, solutions.

ABSTRACT

Nowadays, the organization of experiential activities in teaching Philology is getting much attention and widely deployed. This paper presents an overview of the content and model of experiential activities in Philology on the basis of experiments conducted at 05 secondary schools in Bac Ninh province. It also discusses the advantages and limitations of content and model of experiential education for teaching and learning Philology. Finally, the paper proposes some solutions for improving the effectiveness of teaching, learning and organizing philological experiential activities at secondary schools.

1. Mở đầu

Qua thực tế giảng dạy bộ môn Ngữ văn, chúng tôi nhận thấy có một số học sinh (HS) chưa thật sự thích học bộ môn này - bởi vì học văn, dạy văn là một công việc khó, để dạy và học văn có hiệu quả, người dạy cũng như người học trước hết phải có niềm say mê, yêu thích văn chương, có tâm hồn nhạy cảm, giàu cảm xúc, thêm vào đó là một vốn tri thức phong phú, vốn tiếng Việt dồi dào... Mặt khác, xu hướng nghề nghiệp hiện nay khá rộng mở đối với các ngành khoa học tự nhiên, tính “thực dụng” trong học tập cũng là một nguyên nhân khiến có nhiều HS có biểu hiện thờ ơ với bộ môn Ngữ văn. Đặc biệt, hình thức truyền thụ truyền thống lấy thuyết trình làm chính đã trở nên đơn điệu, xơ cứng, không phù hợp với tâm lí con người hiện đại. Điều này cũng đã ảnh hưởng không nhỏ đến hứng thú học tập, khả năng sáng tạo của HS.

Để khắc phục những bất cập trên đây, theo chúng tôi, cần phải kết hợp đổi mới phương pháp dạy học với việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm (HĐTN) dành riêng cho môn Ngữ văn (Nguyễn Thị Hồng Nhung, 2018). Trên cơ sở tìm hiểu chương trình bộ môn Ngữ văn trong Chương trình giáo dục phổ thông mới (Bộ GD-ĐT, 2018), đồng thời tìm hiểu thực trạng HĐTN trong dạy và học Ngữ văn ở trung học cơ sở (THCS), chúng tôi đã xây dựng một số nội dung và mô hình HĐTN trong dạy học Ngữ văn cho HS THCS và thực hiện thí điểm tại 5 trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Trong bài viết này, chúng tôi đánh giá các ưu điểm, hạn chế của nội dung và mô hình HĐTN sau khi tổ chức thực nghiệm, từ đó đề xuất các biện pháp cho quá trình dạy học trải nghiệm và tổ chức các HĐTN cho môn Ngữ văn ở trường THCS.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Tiến hành thực nghiệm

Dựa trên thiết kế mô hình HĐTN Ngữ văn ở trường THCS gồm 4 giai đoạn (Nguyễn Thị Hồng Nhung, 2018), trong thời gian từ tháng 8/2018 đến tháng 4/2019, chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm thí điểm tổ chức các HĐTN và dạy - học trải nghiệm Ngữ văn tại 05 trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Trong tổng số 60 HĐTN được tổ chức, có 20 HĐTN thuộc phân môn Tiếng Việt; 15 HĐTN thuộc phân môn Đọc - hiểu văn bản; 25 HĐTN là của phân môn Tập làm văn. Sau khi thực nghiệm, chúng tôi đã tiến hành phát phiếu khảo sát lấy ý kiến của các giáo viên (gồm 17 phiếu) và HS (200 phiếu). 100 % GV và HS khi được hỏi đều khẳng định các HĐTN thí điểm đã được tổ chức thực hiện tại trường (cả trong và ngoài giờ học).

Chúng tôi đã thiết kế các chủ đề như dưới đây để đưa vào quá trình thực nghiệm:

Các chủ đề HĐTN trong môn Ngữ văn từ lớp 6 đến lớp 9

Lớp	Tên chủ đề	Vị trí bài học	Dự kiến thời gian thực hiện
6	Dạy học trải nghiệm và tổ chức HĐTN theo chủ đề: Em yêu truyện dân gian - Sân khấu hóa truyện dân gian.	- Tuần 2; tuần 6 (Học kì 1) - Tuần 10-14	- Dạy học trải nghiệm: tiết 5-6 (<i>Bài 2: Thánh Gióng</i>); tiết 21-22 (<i>Bài 6: Thạch Sanh</i>).

		(Học kì 1)	- Tổ chức HĐTN: sau tiết 39 - <i>Bài 10: Éch ngồi đầy giếng</i> (trong và ngoài lớp; thời gian: 1-2 tiết).
	Day học trải nghiệm và tổ chức HĐTN theo chủ đề: Chúng em học văn miêu tả - Em là nhà văn.	- Tuần 22 (Học kì 2) - Tuần 22-24	- Day học trải nghiệm: tiết 83 (<i>Bài 20. Luyện nói về quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả</i>). - Tổ chức HĐTN: sau tiết 80 <i>Tìm hiểu chung về Văn miêu tả</i> ; (trong và ngoài lớp học).
7	Day học trải nghiệm và tổ chức HĐTN theo chủ đề: Chúng em học văn biểu cảm - Viết về “người thấp lùn ngọn lửa tâm hồn”.	- Tuần 9 (Học kì 1) - Tuần 14 (Học kì 1)	- Tổ chức HĐTN: sau khi học xong <i>Bài 10 - Luyện nói: Biểu cảm về sự vật và con người</i> . (trong và ngoài lớp học). - Day học trải nghiệm: tiết 54 (<i>Bài 13 - Luyện nói: Phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học</i>).
	Day học trải nghiệm và tổ chức HĐTN theo chủ đề: Chúng em học văn nghị luận giải thích - Nếu em là hiệu trưởng.	- Tuần 28 (Học kì 2) - Tuần 30-31 (Học kì 2)	- Day học trải nghiệm: tiết 108 (<i>Bài 26: Cách làm bài văn nghị luận giải thích</i>). - Tổ chức HĐTN: sau tiết 108 (<i>Bài 26: Cách làm bài văn nghị luận giải thích</i>).
8	Day học trải nghiệm và tổ chức HĐTN theo chủ đề: Em yêu tiếng Việt - Tiếng Việt muôn màu.	- Tuần 5 (Học kì 1) - Tuần 7-8 (Học kì 1)	- Day học trải nghiệm: tiết 17 (<i>Bài 5: Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội</i>). - Tổ chức HĐTN: sau tiết 17 (ngoài lớp).
	Day học trải nghiệm và tổ chức HĐTN theo chủ đề: Nói giảm, nói tránh - Chúng em giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.	- Tuần 10 (Học kì 1) - Tuần 30 (Học kì 2)	- Day học trải nghiệm: tiết 40 (<i>Bài 10: Nói giảm, nói tránh</i>); - Tổ chức HĐTN: Sau tiết 116 (<i>Bài 28: Trả bài Tập làm văn số 6</i>).
9	Day học trải nghiệm theo chủ đề: Các phương châm hội thoại.	- Tuần 1 - Tuần 4 (Học kì 1)	- Day học trải nghiệm: tiết 3 (<i>Bài 1: Các phương châm hội thoại</i> ; <i>Bài 3 - tiết 18: Xung hô trong hội thoại</i>).
	Tổ chức HĐTN theo chủ đề: Phụ nữ xưa và nay.	- Tuần 8-9 (Học kì 1)	- Tổ chức HĐTN: sau <i>Bài 8 - tiết 39: Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga</i> .

2.2. Đánh giá kết quả thực nghiệm

2.2.1. Với các hoạt động trải nghiệm Ngữ văn trong giờ học

Đánh giá về chủ đề, nội dung các HĐTN Ngữ văn trong giờ học: Có 95% GV và 90% HS khẳng định các nội dung HĐTN Ngữ văn được triển khai thí điểm là phù hợp, bám sát chương trình giáo dục ở THCS và phù hợp với trình độ nhận thức, tâm lí lứa tuổi HS. Các nội dung cụ thể của từng hoạt động được các GV và HS tại 5 trường thí điểm đánh giá là được thiết kế công phu, cụ thể, gắn với yêu cầu đổi mới phương pháp, có tính sáng tạo, phát huy được năng lực HS (90% GV và 88% HS đánh giá tốt; 2% GV đánh giá rất tốt; 3% GV và 2% HS đánh giá ở mức vừa phải, để thực hiện).

Đánh giá về mô hình HĐTN Ngữ văn trong giờ học:

- Về phía GV: có 92% GV cho rằng mô hình gắn với thực tiễn giảng dạy ở trường THCS, có tính sáng tạo, giúp GV dễ dàng gắn với đổi mới phương pháp giảng dạy, tạo hứng thú và phát huy được tối đa năng lực của HS. 8% GV cho rằng mô hình khó vận dụng với lớp học quá đông, thời lượng 1 tiết học là khá ngắn để vận dụng đầy đủ quy trình.

- Về phía HS: 88% HS cho rằng mô hình HĐTN được áp dụng khiến cho giờ học bớt nhàm chán, kiến thức được lĩnh hội nhanh hơn và ghi nhớ, vận dụng tốt hơn; các em phát huy được năng lực của bản thân. 10% HS có hứng thú với mô hình HĐTN trong giờ học nhưng chưa thực sự phát huy được các năng lực đặc thù của bộ môn. Có 2% HS chưa có hứng thú vì thấy mô hình đòi hỏi người học phải làm việc quá nhiều.

2.2.2. Với các hoạt động trải nghiệm Ngữ văn ngoài giờ học

Đánh giá về chủ đề, nội dung các HĐTN Ngữ văn ngoài giờ học: Có 90% GV và 95% HS khẳng định các nội dung HĐTN Ngữ văn ngoài giờ học được triển khai thí điểm là phù hợp, bám sát chương trình môn Ngữ văn ở THCS và phù hợp với trình độ nhận thức, tâm lí lứa tuổi HS. Các nội dung cụ thể của từng hoạt động được các GV và HS tại 05 trường thí điểm đánh giá là được thiết kế công phu, sáng tạo, gắn với yêu cầu đổi mới giáo dục, tạo hứng thú

và phát huy được năng lực HS. Có 85% GV và 92% HS đánh giá tốt; 5% GV đánh giá rất tốt; 10% GV và 8% HS còn băn khoăn ở một vài HĐTN do liên quan đến vấn đề cơ sở vật chất của Nhà trường chưa đáp ứng được, ví dụ: HĐTN *Sân khấu hóa truyện dân gian* (lớp 6); HĐTN *Phụ nữ xưa và nay* (lớp 9).

Đánh giá về mô hình HĐTN Ngữ văn ngoài giờ học:

- Về phía GV: có 92% GV cho rằng mô hình hợp lí, có tính khoa học và sáng tạo, giúp GV dễ dàng gắn với đổi mới phương pháp giảng dạy, tạo hứng thú và phát huy được tối đa năng lực của HS. 8% GV còn băn khoăn về việc thiếu thôn cơ sở vật chất, về vấn đề sự phối kết hợp giữa gia đình và nhà trường và về phương pháp, cách thức lập kế hoạch, tổ chức thực hiện...

- Về phía HS: 98% HS cho rằng mô hình HĐTN Ngữ văn ngoài giờ học được áp dụng khiến cho giờ học bớt nhàm chán, kiến thức được lĩnh hội nhanh hơn và ghi nhớ, vận dụng tốt hơn; các em phát huy được tối đa năng lực của bản thân. 2% HS còn chưa hài lòng vì phải tham gia nhiều hoạt động.

Kết quả khảo sát ở trên là cơ sở quan trọng để chúng tôi đưa ra các đánh giá về ưu điểm và tồn tại của việc tổ chức HĐTN Ngữ văn ở trường THCS.

* *Ưu điểm:* Các chủ đề HĐTN và dạy học trải nghiệm Ngữ văn luôn hướng đến đặc điểm của HĐTN nói chung và tính chất đặc thù của môn Ngữ văn. Nội dung và cách thức tổ chức các hoạt động nhấn mạnh vào tính tự nguyện của cá nhân HS hoặc tập hợp một nhóm có cùng hứng thú, sở thích, mối quan tâm về một vấn đề nào đó trong nội dung học tập như: đọc - hiểu văn bản; từ vựng, ngữ pháp, cảm thụ, phân tích tác phẩm... Việc tổ chức hoạt động lấy xuất phát ban đầu là lòng yêu thích môn học, ham muốn được tìm tòi, sáng tạo, bộc lộ năng khiếu cá nhân của HS tham gia. HS là đối tượng chủ yếu và là chủ thể trực tiếp thực hiện hoạt động, vận dụng hiểu biết và kĩ năng của mình để xử lí các tình huống giao tiếp đã dự kiến hoặc nảy sinh trong thực tiễn. GV không trực tiếp tham gia hoạt động cùng HS nhưng đóng vai trò là người hướng dẫn, tổ chức, tư vấn, đánh giá.

Các HĐTN Ngữ văn ngoài giờ lên lớp có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học trong chương trình chính khoá, phù hợp với đặc điểm tâm - sinh lí và sự phát triển tư duy, nhận thức của HS tham gia hoạt động. Vì thế, chủ đề hoạt động có tính sinh động, thực tiễn, gắn bó chặt chẽ với nội dung học tập chính khoá nhưng được phát triển ở mức độ sâu rộng hơn.

HĐTN Ngữ văn được xây dựng với các hình thức phong phú, đa dạng: Tổ chức trò chơi, sân khấu tương tác, thảo luận nhóm; làm việc cá nhân; thi đọc - kể diễn cảm; giao lưu với nhà văn, nhà nghiên cứu; trưng bày, triển lãm; phỏng vấn; làm sách ảnh, tập san...

Trong quá trình xây dựng các HĐTN Ngữ văn, các tác giả đã lưu ý đến việc kiểm tra, đánh giá người học. Kết quả dựa trên hiệu quả sản phẩm của hoạt động và đặc biệt là tinh thần tích cực, tự lực sáng tạo, khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng, phát triển năng lực của HS. Kết quả này được đánh giá công bằng, công khai, chủ yếu có tính chất động viên, khích lệ kịp thời đối với HS. Ngoài ra, việc đánh giá có thể được thực hiện bởi nhiều đối tượng khác nhau. GV không phải người có quyền lực tuyệt đối trong đánh giá.

Các HĐTN Ngữ văn được xây dựng và tổ chức thí điểm tại các trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đã mang lại nhiều ưu điểm cho người học, cụ thể:

- Giúp HS hình thành và phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kĩ năng sống; tiếp tục phát triển các năng lực quan trọng và đặc thù của bộ môn Ngữ văn như năng lực giao tiếp, năng lực thưởng thức và cảm thụ văn chương từ góc độ ngôn ngữ, năng lực sáng tạo...; từ đó tham gia vào giao tiếp văn học và giao tiếp đời sống một cách hiệu quả hơn.

- Giúp HS tích lũy kinh nghiệm riêng cũng như phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân mình; định hướng mỗi cá nhân trở thành một chủ thể tiếp nhận và sản sinh lời nói một cách tích cực, chủ động, sáng tạo, luôn có ý thức trải nghiệm hành động và trải nghiệm xúc cảm để hình thành nên động cơ, niềm tin, giá trị sống.

- Giúp HS nâng cao hiểu biết, khả năng cảm thụ cũng như đánh giá cái hay, cái đẹp của văn chương và ngôn từ nghệ thuật; có khả năng trải nghiệm ngôn từ nghệ thuật trong tác phẩm văn học, biết kết nối những trải nghiệm ấy với trải nghiệm đời sống để thâm thấu sâu sắc hơn giá trị tác phẩm và làm phong phú hơn vốn sống cá nhân, hiểu biết xã hội của bản thân.

Như vậy, có thể khẳng định, các HĐTN Ngữ văn đã phát huy tác dụng trong việc nâng cao hiệu quả dạy học môn Ngữ văn ở THCS, kết nối văn học và đời sống một cách sâu sắc, tăng cường tính thực tiễn của môn học, phù hợp với nguyên tắc sư phạm dạy học văn gắn với đời sống; góp phần củng cố, mở rộng vốn tri thức cho HS; rèn luyện kĩ năng làm văn; tăng cường hứng thú của HS với môn học.

* *Tồn tại:*

- Về nội dung: Các chủ đề và các HĐTN còn chưa thực sự đa dạng và phủ khắp các lớp học với các phân môn riêng biệt. Ví dụ: lớp 7 tập trung nhiều vào các HĐTN phân môn Tập làm văn, chưa có HĐTN đọc - hiểu văn bản; lớp 8 lại tập trung nhiều HĐTN Tiếng Việt...

- Về mô hình:

+ Cần nhấn mạnh hơn căn cứ liên quan đến đặc thù môn học khi xây dựng mô hình HĐTN.

+ Mô hình có tính khái quát cao nên cần bổ sung chi tiết hơn hướng dẫn thực hiện mô hình (cả trong và ngoài giờ học).

2.3. Một số biện pháp nhằm tổ chức hiệu quả hoạt động trải nghiệm Ngữ văn hiện nay ở các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Từ thực tế nêu trên, chúng tôi đề xuất một số biện pháp tổ chức hiệu quả HĐTN Ngữ văn hiện nay ở các trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dạy và học bộ môn. Cụ thể: 1) GV dạy Ngữ văn cần nhận thức được tầm quan trọng của việc dạy học trải nghiệm và tổ chức HĐTN Ngữ văn. Coi đây là việc làm cần thiết, không thể xem nhẹ và bỏ qua; 2) Việc tổ chức HĐTN Ngữ văn ngoài giờ học cần lên kế hoạch cụ thể trong phân phối chương trình, các tổ chuyên môn thống nhất xây dựng nội dung HĐTN phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực và đối tượng HS; 3) Phòng giáo dục, các trường đào tạo GV cần có chương trình bồi dưỡng năng lực tổ chức HĐTN Ngữ văn cho các GV như: năng lực lập kế hoạch, năng lực tổ chức, hướng dẫn, giao nhiệm vụ, năng lực giám sát, năng lực đánh giá các HĐTN (cả trong và ngoài giờ học); 4) Xây dựng hệ thống tài liệu tham khảo, nguồn học liệu để GV và HS có thể tham khảo để lựa chọn các nội dung và hình thức trải nghiệm môn Ngữ văn phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của nhà trường; 5) Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng đầy đủ cho học tập và tổ chức các HĐTN trong môn Ngữ văn; 6) Động viên khuyến khích các GV tích cực tổ chức các HĐTN Ngữ văn thông qua các cuộc thi giáo viên dạy giỏi, các giờ học tốt; 7) Xây dựng nội dung và tổ chức các phong trào thi đua giữa các lớp về các sản phẩm trải nghiệm môn Ngữ văn; khuyến khích động viên HS tham gia các câu lạc bộ Văn học, câu lạc bộ thơ, truyện; các cuộc thi đố vui,...

3. Kết luận

Có thể thấy, việc xây dựng nội dung, mô hình và tổ chức thực hiện các HĐTN Ngữ văn ở các trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh như đã trình bày là rất cần thiết, hiệu quả và đã góp phần nâng cao năng lực cho HS. Việc học Ngữ văn sẽ trở nên nhàm chán biết bao nếu HS không được trải nghiệm những cảm xúc thực, được tự do bộc lộ suy nghĩ, quan điểm của cá nhân và sáng tạo nên những sản phẩm có ý nghĩa, giúp ích cho việc học tập và cho cuộc sống.

Lời cảm ơn: Bài viết này là một sản phẩm của đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh (tỉnh Bắc Ninh), mã số: KXBN-(07).17. Nhóm tác giả trân trọng cảm ơn UBND tỉnh Bắc Ninh đã tạo điều kiện để đề tài được nghiên cứu và ứng dụng trong giảng dạy ở các trường THCS trên địa bàn tỉnh.

Tài liệu tham khảo

Bộ GD-ĐT (2006a). *Ngữ văn lớp 6*. NXB Giáo dục.

Bộ GD-ĐT (2006b). *Ngữ văn lớp 7*. NXB Giáo dục.

Bộ GD-ĐT (2006c). *Ngữ văn lớp 8*. NXB Giáo dục.

Bộ GD-ĐT (2006d). *Ngữ văn lớp 9*. NXB Giáo dục.

Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).

Đặng Vũ Hoạt (1996). *Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường trung học cơ sở*. NXB Giáo dục.

Nguyễn Thị Hồng Nhung (2018). *Vận dụng mô hình học tập trải nghiệm trong dạy học Tiếng Việt ở trường trung học cơ sở*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 10, tr 108-112.

Nguyễn Thị Hồng Nhung (2018). *Vai trò của hoạt động trải nghiệm sáng tạo với việc dạy học Ngữ văn ở trường trung học cơ sở*. Tạp chí Thế giới trong ta, số chuyên đề 179, tr 44-49.

Tường Duy Hải (chủ biên, 2017). *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học Ngữ văn trung học cơ sở*. NXB Giáo dục Việt Nam.